

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT DỰ KIẾN THU HỒI ĐỀ GPMB**Dự án: Khu đô thị mới Xuân Trường GD1***(Kèm theo Thông báo niêm yết công khai số: /TB-UBND ngày tháng năm 2026)*

STT	Đối tượng QL,SD	Địa chỉ thôn	Tờ bản đồ	Số Thửa	Mã loại đất	Diện tích nguyên thửa	Diện tích thực hiện dự án	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án TTHCM	Thông báo thu hồi đất số
1	Đỗ Văn Ba	Xuân Phả 3	19	1372	LUC	941.7	941.7		519/TB-UBND, ngày 03/7/2026
2	Đỗ Đình Biều	Xuân Phả 3	19	1332	LUC	1990.7	1990.7		520/TB-UBND, ngày 03/7/2026
3	Lê Ngọc Bình	Xuân Phả 3	19	1344	LUC	1674.1	998.2		521/TB-UBND, ngày 03/7/2026
4	Đỗ Ích Chung	Xuân Phả 3	19	1271	LUC	2272.1	2272.1		537/TB-UBND, ngày 04/7/2026
5	Đỗ Thị Đan	Xuân Phả 3	19	1345	LUC	723.4	723.4		518/TB-UBND, ngày 03/7/2026
6	Đỗ Ích Đông	Xuân Phả 3	19	1233	LUC	1186.0	1186.0		515/TB-UBND, ngày 03/7/2026
7	Đỗ Văn Hạnh	Xuân Phả 3	19	1297	LUC	2161.1	2161.1		504/TB-UBND, ngày 03/7/2026
8	Đỗ Thị Hiền	Xuân Phả 3	19	1278	LUC	982.5	982.5		538/TB-UBND, ngày 04/7/2026
9	Đỗ Văn Hoà	Xuân Phả 3	19	1248	LUC	1247.8	1247.8		505/TB-UBND, ngày 03/7/2026
10	Lê Ngọc Hòa	Xuân Phả 3	19	1245	LUC	1131.0	610.9	207.3	539/TB-UBND, ngày 04/7/2026
11	Đỗ Văn Hoà.	Xuân Phả 3	19	1234	LUC	1425.7	646.9	290.3	507/TB-UBND, ngày 03/7/2026
	Đỗ Văn Hoà.	Xuân Phả 3	19	1246	LUC	368.8	182.3	70.9	
12	Đỗ Văn Hoan	Xuân Phả 3	19	1296	LUC	1884.1	1884.1		508/TB-UBND, ngày 03/7/2026
13	Trịnh Đình Hoạt	Xuân Phả 3	19	1168	LUC	2363.9	2.5	13.7	509/TB-UBND, ngày 03/7/2026
14	Đỗ Thị Khản	Xuân Phả 3	19	1307	LUC	2069.2	1623.7		510/TB-UBND, ngày 03/7/2026
15	Đỗ Văn Kiên	Xuân Phả 3	19	1371	LUC	1434.6	1434.4		511/TB-UBND, ngày 03/7/2026
16	Đỗ Viết Liêu	Xuân Phả 3	19	1330	LUC	1154.7	1154.7		512/TB-UBND, ngày 03/7/2026
17	Trịnh Văn Lợi	Xuân Phả 3	19	1346	LUC	940.1	940.1		514/TB-UBND, ngày 03/7/2026
18	Đỗ Ích Lường	Xuân Phả 3	19	1299	LUC	1107.3	1107.3		516/TB-UBND, ngày 03/7/2026
19	Đỗ Đình Mão	Xuân Phả 3	19	1333	LUC	1303.2	604.2		500/TB-UBND, ngày 03/7/2026
20	Đỗ Thị Mơi	Xuân Phả 3	19	1295	LUC	1076.8	1076.8		540/TB-UBND, ngày 04/7/2026
21	Đỗ Văn Năm	Xuân Phả 3	19	1306	LUC	1892.2	708.2	102.8	473/TB-UBND, ngày 03/7/2026
22	Đỗ Thị Nhung	Xuân Phả 3	19	1214	LUC	815.5	141.2		477/TB-UBND, ngày 03/7/2026
23	Đỗ Xuân Phụng	Xuân Phả 3	19	1279	LUC	1048.1	1048.1		479/TB-UBND, ngày 03/7/2026
24	Đỗ Viết Sửu	Xuân Phả 3	19	1331	LUC	834.8	834.8		480/TB-UBND, ngày 03/7/2026

STT	Đối tượng QL,SD	Địa chỉ thôn	Tờ bản đồ	Số Thửa	Mã loại đất	Diện tích nguyên thửa	Diện tích thực hiện dự án	Diện tích đã thu hồi thực hiện dự án TTHCM	Thông báo thu hồi đất số
25	Đỗ Văn Sỹ	Xuân Phả 3	19	1213	LUC	1505.2	1505.2		481/TB-UBND, ngày 03/7/2026
26	Đỗ Ngọc Thành	Xuân Phả 3	19	1270	LUC	1534.7	1534.7		483/TB-UBND, ngày 03/7/2026
27	Đỗ Đăng Thảo	Xuân Phả 3	19	1300	LUC	1306.5	1306.5		484/TB-UBND, ngày 03/7/2026
28	Đỗ Ngọc Thiên	Xuân Phả 3	19	1376	LUC	108.2	102.1		485/TB-UBND, ngày 03/7/2026
	Đỗ Ngọc Thiên	Xuân Phả 3	19	1377	LUC	1248.0	233.6		
29	Nguyễn Xuân Thống	Xuân Phả 3	19	1334	LUC	1441.9	636.2		486/TB-UBND, ngày 03/7/2026
30	Đỗ Thị Thúc	Xuân Phả 3	19	1247	LUC	1104.3	1104.3		487/TB-UBND, ngày 03/7/2026
31	Đỗ Văn Tính	Xuân Phả 3	19	1347	LUC	1212.0	877.4		488/TB-UBND, ngày 03/7/2026
32	Lê Như Tinh	Xuân Phả 3	19	1268	LUC	1922.9	124.6		462/TB-UBND, ngày 03/7/2026
33	Nguyễn Xuân Tơ	Xuân Phả 3	19	1232	LUC	2840.7	174.4		455/TB-UBND, ngày 03/7/2026
34	Đỗ Thị Trường	Xuân Phả 3	19	1181	LUC	1703.5	149.8	201.4	454/TB-UBND, ngày 03/7/2026
35	Đỗ Thị Tuân	Xuân Phả 3	19	1212	LUC	1499.1	515.7	353.7	456/TB-UBND, ngày 03/7/2026
36	Đỗ Văn Tuyên	Xuân Phả 3	19	1373	LUC	2088.6	1232.1		451/TB-UBND, ngày 03/7/2026
37	Đỗ Đình Ty	Xuân Phả 3	19	1216	LUC	722.6	30.9		541/TB-UBND, ngày 04/7/2026
	Đỗ Đình Ty	Xuân Phả 3	19	1250	LUC	1108.2	1076.1		
38	Đỗ Văn Uy	Xuân Phả 3	19	1348	LUC	1762.5	141.5		450/TB-UBND, ngày 03/7/2026
39	Đỗ Thị Vân	Xuân Phả 3	19	1272	LUC	967.2	535.0	163.8	453/TB-UBND, ngày 03/7/2026
40	Đỗ Đình Việt	Xuân Phả 3	19	1277	LUC	1387.7	726.2	231.5	447/TB-UBND, ngày 03/7/2026
41	Nguyễn Thị Vịnh	Xuân Phả 3	19	1329	LUC	1147.5	1147.5		457/TB-UBND, ngày 03/7/2026
42	Đỗ Thị Vượng	Xuân Phả 3	19	1182	LUC	1239.1	119.6		458/TB-UBND, ngày 03/7/2026
43	Đỗ Thị Xã	Xuân Phả 3	19	1298	LUC	1405.7	1450.7		542/TB-UBND, ngày 04/7/2026
44	UBND xã	Xuân Phả 3	19	76	DGT	94424.4	862.2	140.7	459/TB-UBND, ngày 03/7/2026
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1249	BCS	21.1	21.1		
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1251	DTL	861.0	302.8	32.1	
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1269	DTL	3081.6	1466.8	39.9	
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1280	LUC	722.8	23.8		
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1336	DGT	1647.5	570.0		
	UBND xã	Xuân Phả 3	19	1403	LUC	2516.3	1103.4		
Tổng cộng							45577.9	1848.1	

